Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Triệu Sơn
Email: trieuson@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 25.10.2019 08:15:33 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3157/BC-UBND	*Triệu Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2019*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

UBND huyện Triệu Sơn nhận được Công văn số 4361/STC-QLNS.TTK ngày 03/10/2019 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hoá về việc báo cáo đánh giá, đề xuất việc thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa,

UBND huyện Triệu Sơn báo cáo, đánh giá toàn diện về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, các văn bản điều hành và triển khai thực hiện chính sách:

1. Đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

Huyện Triệu Sơn nằm ở phía Tây Nam tỉnh Thanh Hóa, trung tâm huyện cách Thành phố Thanh Hóa 20 km về phía Tây theo Quốc lộ 47, có diện tích tự nhiên 29.004,50 ha bằng 2,59% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Dân số 204 ngàn người, chiếm 6% dân số cả tỉnh.

Triệu Sơn là huyện trọng điểm lúa, thuần nông với 35 xã, 1 thị trấn huyện lỵ, trong đó 4 xã miền núi, 32 xã, thị trấn đồng bằng và vùng đồi.Triệu Sơn nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa vùng đồng bằng phía Đông và Đông Bắc với vùng núi phía Tây và Tây Nam. Vì vậy, Triệu Sơn có địa hình bán sơn địa, bề mặt lãnh thổ có địa hình khá phức tạp, có độ nghiêng từ Tây Nam xuống Đông Bắc, chia thành hai vùng địa hình tự nhiên:

- Vùng núi gồm 4 xã: Bình Sơn, Thọ Bình, Thọ Sơn, Triệu Thành; có diện tích tự nhiên 5.771,27 ha, chiếm 19,94% diện tích tự nhiên toàn huyện, có độ cao trung bình 70 - 80m so với trung bình mặt nước biển.

- Vùng đồng bằng gồm: Thị trấn Triệu Sơn và các xã còn lại của huyện, có diện tích tự nhiên 23.192,92 ha, chiếm 80,06 % diện tích toàn huyện. Trong vùng có xã Vân Sơn, Thái Hòa,Tân Ninh có địa hình của vùng đồi núi với đỉnh núi Nưa cao 537m. Dãy núi Nưa cùng với dãy núi Ố (núi đá) ở xã Đồng Thắng tạo thành vòng cung ở phía Nam và Tây Nam của huyện; là một trong những nguyên nhân gây ra vùng ngập đối với các xã phía Đông Nam của huyện. Các xã

còn lại có địa hình khá bằng phẳng; tuy vậy, xen giữa các cánh đồng bằng phẳng vẫn có các đồi và núi đá độc lập, cá biệt có một số vùng trũng thường bị úng cục bộ khi có mưa lớn.

2. Sự chỉ đạo của các cấp chính quyền trong việc triển khai thực hiện Nghị định.

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa đã được UBND huyện triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đánh giá việc thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa kết hợp với các chính sách liên quan trong những năm qua. Chất lượng, hiệu quả và bài học kinh nghiệm.

Đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình thuỷ lợi tại địa phương đã góp phần đảm bảo cho tưới tiêu, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Các công trình được đầu tư đã phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và bộ mặt nông thôn có sự chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó hệ thống thủy lợi, kênh mương ở vùng núi bị ảnh hưởng trực tiếp của khí hậu nên bị xuống cấp, hư hỏng; một số công trình do dân tự làm chỉ phục vụ tưới trong thời gian ngắn. Ở vùng đồng bằng thì hệ thống kênh tưới và tiêu đã và đang được quan tâm kiên cố hóa nhưng vẫn đang còn chậm, thường là hình thức tưới, tiêu kết hợp. Đa số các hệ thống công trình thủy lợi được kiên cố hóa thì chủ yếu là các công trình đầu mối, được thiết kế đảm bảo yêu cầu tưới, tiêu nhằm đáp ứng nhu cầu nước để phát triển các vụ.

Do diện tích chuyển đổi cơ cấu đất lúa và mùa vụ trong nông nghiệp ngày càng tăng nên cần khai thác tối đa các công trình tưới tiêu, các hệ thống công trình cần phải được quan tâm duy tu, sữa chữa và khơi thông dòng chảy thường xuyên để đạt hiệu quả cao đảm bảo cung cấp nguồn nước cho sản xuất của nhân dân.

II. Kết quả sau 05 năm triển khai thực hiện chính sách (2015-2019):

1. Đánh giá tác động việc thực hiện chính sách đến các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển sản xuất lúa nói riêng và nông nghiệp nói chung;

Trong giai đoạn 2015-2019, huyện Triệu Sơn được tỉnh giao kế hoạch vốn cho 6 công trình thuộc nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (3 công trình sữa chữa, nâng cấp hồ chứa nước và 2 công trình trạm bơm, 1 công trình liên hồ); tổng kinh phí thuộc ngân sách cấp trên: 85.005 triệu đồng.

(Chi tiết số liệu theo mẫu biểu đính kèm)

Hệ thống thuỷ lợi được đầu tư, nâng cấp, các công trình thuỷ lợi đầu mối, trạm bơm, hồ đập, kênh mương được làm mới và nâng cấp. Hệ thống kênh mương nội đồng được đầu tư kiên cố hoá, đảm bảo tưới chủ động cho hầu hết diện tích lúa nước trong huyện, khắc phục được tình trạnh thiếu nước trước đây. Trong 5 năm qua đã kiên cố hoá 292km kênh mương, giao thông nội đồng, tỷ lệ KCH đạt 48,4%; tu bổ, nâng cấp 19 hồ đập.

2. Đánh giá công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi trên địa bàn; kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; công tác áp dụng giống mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật; liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm...

- Hiện nay trên địa bàn huyện Triệu Sơn hệ thống thủy lợi nội đồng được đầu tư nâng cấp, hệ thống kênh mương được kiên cố hóa để phục vụ cho tiêu thoát nước sinh hoạt và cung cấp nước cho phục vụ sản xuất; Quy hoạch thủy lợi nhằm phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại hóa để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, đảm bảo phát huy hết khả năng phục vụ cho dân sinh và phát triển sản xuất.

- Các chính sách, cơ chế hỗ trợ tích tụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng của tỉnh, huyện đã phát huy tác dụng hiệu quả, là tiền đề cho việc tham mưu, lựa chọn, định hướng các cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất cho những năm tiếp theo.

- Một số diện tích trồng lúa thường xuyên bị thiếu nước tưới đã được chuyển đổi sang cây trồng khác, Kết quả chuyển đổi từ thực tế cho thấy: khi chuyển sang trồng các cây có giá trị kinh tế như ớt, rau màu các loại, dược liệu, mía, ngô, cây ăn quả bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa.

- Khi tiến hành chuyển đổi cây trồng được áp dụng công thức luân canh nên có tác dụng cải tạo đất, hạn chế sâu bệnh hại; từng bước thay đổi tập quán, tư duy sản xuất nông sản theo kiểu truyền thống hướng đến sản xuất nông sản hàng hóa an toàn.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên diện trồng lúa kém hiệu quả theo đúng quy định của nhà nước. Nâng giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 là 124 triệu đồng.

- Về công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi trên địa bàn:

Đã rà soát đưa vào quy hoạch các công trình thủy lợi giai đoạn 2021-2025, 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045, cụ thể:

+ Công trình hồ, đập chứa nước: 21 công trình

+ Công trình trạm bơm tưới: 18 công trình;

+ Công trình trạm bơm tiêu 14 công trình.

- Tổng diện tích đã chuyển đổi cơ cấu đất trồng lúa trên diện tích đất trồng lúa 1.656,4 ha (Năm 2016: 140,7 ha; năm 2017: 634,65 ha; năm 2018: 486,42 ha và năm 2019: 394,63 ha).

- Áp dụng giống mới, tiến bộ KHKT:

Đưa nhiều giống lúa có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, xây dựng các mô hình mạ khay, máy cấy....

- Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm:

Trên địa bàn huyện có 11 HTX liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngô dày, rau củ, quả các loại.

3. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

Việc thực hiện chính sách góp phần nâng cấp và cải tạo các công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện nhằm phát huy hiệu quả công tác tưới, tiêu chủ động cho sản suất lúa nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung, nâng cao năng suất, sản lượng và hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra; bảo vệ và phát huy hiệu quả đất trồng lúa trên địa bàn huyện.

Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn huyện cũng gặp nhiều khó khăn, việc cấp nguồn cho các công trình còn hạn chế, vốn cấp theo nhiều năm, vì vậy tiến độ thi công một số công trình còn chậm.

III. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị tiếp tục hoàn chỉnh và thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Đồng thời đề nghị cần quy định cụ thể điều kiện, thời gian, diện tích, chủng loại cây được chuyển đổi, nhằm giúp tổ chức sản xuất hàng hóa, quy mô lớn, úng dụng được cơ giới hóa, tạo sản phẩm có chất lượng.

Trên đây là báo cáo, đánh giá toàn diện về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, UBND huyện Triệu Sơn báo cáo Sở Tài chính tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TC-KH.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN

Tổng hợp kết quả thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa giai đoạn 2015-2019

(Kèm theo Báo cáo số 3157/BC-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Triệu Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	**Thống kê theo tiêu chí kết quả thực hiện** (diện tích (ha); số trạm bơm, cống, km kênh, mương, đập; số tổ chức, cá nhân được hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết sản xuất;...)					**Kinh phí**						Ghi chú
								Trong đó					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng số	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	**Phần ngân sách huyện thực hiện**						**23.491**	**700**	**3.500**	**4.291**	**15.000**	**0**	
1	Thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn (ưu tiên hệ thống kênh mương nội đồng, hệ thống giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ do địa phương quản lý).						23.491	700	3.500	4.291	15.000	0	
1,1	Trạm bơm tiêu Hoàng Đồng xã Minh Sơn	1 trạm					3.713	700	2.500	513			
1,2	Trạm bơm tiêu Đồng Kha xã Dân Quyền		1 trạm				18.080			3.080	15.000		
1,3	Liên hồ Ngô Công - Đồng Cổ		01 hồ				1.698		1.000	698			
2	Hỗ trợ các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thực hiện công tác khai hoang đất chưa sử dụng hoặc phục hóa đất bỏ hoang thành đất trồng lúa nước.												
3	Cải tạo, nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.												
4	Hỗ trợ trực tiếp cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa: Áp dụng chi theo Điều 12, Điều 14 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông và theo quy định tại Thông tư liên tịch tại số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.												
II	**Phần ngân sách tỉnh hỗ trợ**						**85.005**	**5.100**	**32.707**	**11.371**	**15.044**	**20.783**	
1	Thực hiện việc quy hoạch, lập bản đồ, phân tích chất lượng hóa, lý tính các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm.												

STT	Nội dung	Thống kê theo tiêu chí kết quả thực hiện (diện tích (ha); số trạm bơm, cống, km kênh, mương, đập; số tổ chức, cá nhân được hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết sản xuất;...)					Kinh phí						Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng số	*Trong đó*					
								Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp lớn hơn 5 ha, như: Công trình hồ chứa, đập dâng, công trình trạm bơm và hệ thống kênh chính sau công trình đầu mối.	Công trình: 01 trạm bơm (trạm bơm tiêu Hoàng Đồng); 01 liên hồ (Ngô Công - Đồng Cổ)	Công trình: gồm 01 hồ chứa nước (Hồ Đồng Tôm), 01 trạm bơm (trạm bơm tiêu Đồng Kha), - Diện tích tưới: 290 ha; - 03 công trình kênh tưới với chiều dài 2,945 km; - Số km kênh tưới sau công trình đầu mối: 2km	Công trình: gồm 04 kênh tưới với chiều dài 3,04 km; - Diện tích tưới: 250 ha	Công trình: gồm 02 hồ chứa nước (hồ Đồng Lầy, hồ Bến Đá), - 06 công trình kênh tưới với chiều dài 5,26 km - Diện tích tưới: 645 ha; - Số km kênh tưới sau công trình đầu mối: 3,85 km	Công trình: gồm 06 công trình kênh tưới với chiều dài 6,65 km; - Diện tích tưới: 439 ha	85.005	5.100	32.707	11.371	15.044	20.783	
	Năm 2015												
2,1	Trạm bơm tiêu Hoàng Đồng xã Minh Sơn	1 trạm					18.313		13.100			5.213	
2,2	Liên hồ Ngô Công - Đồng Cổ	01 liên					7.486	5.100	2.386				
	Năm 2016		2,945 km										
2,3	Sửa chữa nâng cấp Hồ Đồng Tôm- Triệu Thành		01 hồ				6.409		3.200	1.800	1.409		
2,4	Cải tạo, nâng cấp kênh liên xã Minh Châu A thuộc xã Minh Châu và Dân Lý		0,890km				1.138		1.138				
2,5	Cải tạo, nâng cấp kênh N13B, xã Tiến Nông		1,11 km				1.140		1.140				
2,6	Cải tạo, nâng cấp kênh Cồn Quyết, thôn 13 xã Tân Ninh		0.945 km				864		864				
2,7	Trạm bơm tiêu Dồng Kha, xã Dân Quyền		1 trạm				20.669		10.879	6000		3.790	
	Năm 2017			3,04 km									
2,8	Kiên cố kênh Đồng tường, xã Khuyến Nông			0,975 km			1.166			1.166			

STT	Nội dung	Thống kê theo tiêu chí kết quả thực hiện (diện tích (ha); số trạm bơm, cống, km kênh, mương, đập; số tổ chức, cá nhân được hỗ trợ áp dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết sản xuất;...)					Kinh phí						Ghi chú
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Tổng số	*Trong đó*						
								Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2,9	Kiên cố kênh Cồn Ao, xã Xuân Thọ			0,528km			591			591				
2,10	Kiên cố kênh từ trạm biến áp số 1 đến kênh tiêu thôn Thọ Lộc, xã Đồng Lợi			0,942 km			1.175			1.175				
2,11	Kiên cố kênh nối tiếp kênh Minh Châu A, xã Dân Lý			0.595 km			639			639				
	Năm 2018				**5,26 km**									
2,12	Kiên cố kênh Con Cuông, xã Minh Châu và An Nông				0,88 km		1.124				1.124			
2,13	Kiên cố kênh Đồng Chúa xã Tân Ninh				0,771 km		1.152				1152			
2,14	Kiên cố đoạn kênh sau kênh N11B xã Dân Quyền				0,832 km		1.144				1144			
2,15	Kiên cố kênh đồng xóm 1,2 và kênh đồng xóm 9,11,12 xã Khuyến Nông				0,9447 km		907				907			
2,16	Kiên cố kênh Đồng Ót và kênh Cồng Chuông xã Thọ Cường				0,77 km		1.092				1092			
2,17	Tuyến kênh Cồng Vung- Đồng Giếng xóm 6 và kênh tưới đồng Nắp Sửu xóm 8 xã Thọ Thế				1,06 km		1.016				1016			
2,18	Sửa chữa nâng cấp Hồ Đồng Lầy, xã Hợp Tiến				01 hồ		7.180				2600	4580		
2,19	Sửa chữa nâng cấp Hồ Bến Đá, xã Hợp Lý				01 hồ		8.500				4600	3900		
	Năm 2019					**6,65 km**								
2,20	Kiên cố kênh Cửa Nghè- Đồng Bình xã Dân Lý					0,8006 km	400					400		
2,21	Kiên cố kênh mương Đồng Cồn Tây đi kênh trạm bơm Thanh Xuân, xã Đồng Thắng					1,1 km	600					600		
2,22	Kiên cố mương giữa Cây Cố Đồng Xá 1, xã Đồng Tiến					1,138 km	550					550		
2,23	Kiên cố kênh tưới tiêu từ thôn 8 cũ đi Nẫn giáp xã Khuyến Nông, Nông Trường					0,745 km	550					550		
2,24	Kiên cố kênh tưới từ xứ đồng Năm tấn đi xứ đồng Cồn Xăng và kênh tưới					1,371km	600					600		
2,25	Kiên cố kênh mương từ Cồn Gián đi Cồn Đình; tuyến kênh mương từ Bá Đặng đi Đồng Chòi, tuyến kênh mương từ Trung Thành đi Sở Trong, xã Hợp Thành					1,4967km	600					600		

PHÒNG TÀI CHÍNH- KH
TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Huy Dũng

PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỞNG PHÒNG

Lã Văn Lâm

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN TRIỆU SƠN

Phạm Văn Thường